

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 778 /QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 06 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29/11/2024, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP ngày 21/9/2025 của Chính phủ về việc ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm tháo gỡ khó khăn trong triển khai Luật Địa chất và khoáng sản năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 4232/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Danh mục các công trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội không sử dụng tiền ngân sách được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù theo Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP ngày 21/9/2025 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Thông báo số 216-TB/TU ngày 02/3/2026 của Thường trực Tỉnh ủy về thăm dò, khai thác khoáng sản và Công văn số 1668-CV/ĐU ngày 02/3/2026 của Đảng ủy UBND tỉnh về thực hiện Thông báo của Thường trực Tỉnh ủy;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 2366/TTr-SNNMT ngày 06/3/2026.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt 01 mỏ cát, sỏi tại các xóm: Lam Sơn, Thành Sơn và Nam Thượng, xã Xuân Lâm (bao gồm 02 khu vực; khu vực 1 có diện tích 11,45ha; khu vực 2 có diện tích 6,66 ha) và 01 mỏ đất làm vật liệu san lấp tại khu

vực Núi Con, xã Trung Lộc có diện tích 6,38 ha vào khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại khoản 2 Điều 100 Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 Luật số 147/2025/QH15 (có Phụ lục chi tiết các khu vực mở kèm theo).

**Điều 3.** Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện công tác quản lý cấp phép hoạt động khoáng sản các khu vực mở trên theo quy định của pháp luật.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Chủ tịch UBND xã Xuân Lâm và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Phó Chủ tịch (NN) UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh Nghệ An;
- Lưu VT.NN(V).



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Đệ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN**

**Phụ lục. Khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản**  
(ban hành kèm theo Quyết định số 778 /QĐ-UBND ngày 06 /3/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Vị trí khu vực mỏ	Diện tích	Loại khoáng sản	Tọa độ			Tiêu chí khoanh định
				Hệ tọa độ VN-2000 - Kinh tuyến trực 104 <sup>0</sup> 45' múi chiều 3 <sup>0</sup>			
				Điểm góc	X (m)	Y (m)	
1	Tại các xóm: Lam Sơn, Thành Sơn và Nam Thượng xã Xuân Lâm, tỉnh Nghệ An	Khu vực 1: <b>11,45 ha</b>	Cát, sỏi	1	2073547.00	563710.00	Đảm nguyên liệu, vật liệu cho các công trình, dự án quy định tại Điều 55 Luật địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 17 Điều 1 Luật số 147/2025/QH15, thuộc tiêu chí không đấu giá quyền khai thác khoáng sản quy định tại khoản 2 Điều 100 Luật địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 Luật số 147/2025/QH15
				2	2073592.00	563795.00	
				3	2073522.00	563848.00	
				4	2073321.00	564046.00	
				5	2073191.00	564125.00	
				6	2073022.32	563869.48	
				7	2073159.00	563807.00	
	Khu vực 2: <b>6,66 ha</b>	Cát, sỏi	8	2072613.62	564339.70		
			9	2072496.00	564439.00		
			10	2072388.00	564520.00		
			11	2072210.00	564729.00		
			12	2072128.00	564851.00		
			13	2072105.00	564821.00		
			14	2072401.00	564325.00		
			15	2072522.21	564200.99		
2	Tại khu vực Núi Con, xã Trung Lộc, tỉnh Nghệ An	<b>6,38 ha</b>	Đất san lấp	1	2.083.836	597.945	
				2	2.083.967	597.911	
				3	2.084.032	597.995	
				4	2.084.004	598.060	
				5	2.083.796	598.158	
				6	2.083.687	598.266	
				7	2.083.640	598.222	
				8	2.083.676	598.143	
				9	2.083.664	598.092	
				10	2.083.716	598.029	